

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/KDTM-ST
Ngày: 20-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Sơn Tây

Ông Nguyễn Thanh Cần

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 74/2023/TLST-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH X.

Địa chỉ: Lô I, đường C, khu công nghiệp T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1990; địa chỉ liên hệ: Tổ D, khu phố D, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 30/5/2023). (có mặt)

- **Bị đơn:** Công ty TNHH T1.

Địa chỉ: Số D, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Thế H, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ A, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch kiêm Giám đốc). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/01/2021, giữa Công ty TNHH X (sau đây viết tắt là Công ty X) và Công ty TNHH T1 (sau đây viết tắt là Công ty T1) có ký hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa số XH2021-991. Theo đó, Công ty X là bên bán, Công ty T1 là bên mua - hàng hóa là nút xốp.

Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, từ tháng 02/2021 đến tháng 09/2021, Công ty X đã nhiều lần xuất bán hàng hóa cho Công ty T1 và hàng tháng Công ty X đều có xuất Hóa đơn giá trị gia tăng để yêu cầu Công ty T1 thanh toán, cụ thể:

Lần 1: Hóa đơn số 0000691 ngày 31/3/2021 số tiền 638.098.716 đồng;

Lần 2: Hóa đơn số 0000733 ngày 29/4/2021 số tiền 1.341.784.899 đồng;

Lần 3: Hóa đơn số 0000790 ngày 29/5/2021 số tiền 1.034.241.869 đồng;

Lần 4: Hóa đơn số 0000869 ngày 30/6/2021 số tiền 1.417.25.657 đồng;

Lần 5: Hóa đơn số 0000930 ngày 28/9/2021 số tiền 260.159.585 đồng;

Lần 6: Hóa đơn số 0000933 ngày 29/9/2021 số tiền 1.290.569.276 đồng;

Tổng số tiền hàng theo 06 hóa đơn trên là 5.982.705.002 đồng.

Theo thỏa thuận giữa hai bên thì sau 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng giao hàng, Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty X 100% giá trị hàng đã giao. Công ty X đã thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa và cũng đã xuất hóa đơn yêu cầu Công ty T1 thanh toán nhưng phía Công ty T1 chỉ thực hiện thanh toán được số tiền 5.231.976.139 đồng. Số tiền nợ còn lại là 750.782.861 đồng phía Công ty T1 không tiếp tục thanh toán cho Công ty X.

Xét thấy, việc Công ty T1 không thực hiện việc thanh toán tiền hàng cho Công ty X là vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận của các bên, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty X. Do đó, Công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên giải quyết những vấn đề sau: Buộc Công ty T1 phải thanh toán cho Công ty X số tiền nợ là 750.782.861 đồng và số tiền lãi suất chậm thanh toán theo lãi suất tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án tạm tính là ngày 30/09/2023 với mức lãi suất 1,2%/tháng với tổng số tiền là 207.201.165 đồng, cụ thể như sau:

Hóa đơn số 0000930 ngày 28/9/2021 số tiền 260.159.585 đồng x 1,2%/tháng x 23 tháng = 71.804.045 đồng.

Hóa đơn số 0000933 ngày 29/9/2021 số tiền 1.290.569.276 đồng x 1,2%/tháng x 23 tháng = 135.397.120 đồng;

Tổng số tiền Công ty X yêu cầu Công ty T1 thanh toán là 957.984.026 đồng.

Sau khi Công ty X khởi kiện thì Công ty T1 đã thanh toán hết số tiền nợ gốc là 750.782.861 đồng, cụ thể:

Ngày 02/6/2023 thanh toán số tiền 150.000.000 đồng;

Ngày 28/6/2023 thanh toán số tiền 260.159.585 đồng;

Ngày 29/6/2023 thanh toán số tiền 340.569.277 đồng.

Do đó, Công ty X xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 750.728.861 đồng, chỉ yêu cầu Công ty T1 thanh toán tiền lãi chậm thanh toán đối với số nợ gốc 750.728.861 đồng từ ngày 30/10/2021 đến ngày 30/5/2023 (19 tháng) với mức lãi suất 1,2%/tháng với số tiền 171.166.180 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty T1 theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 718/ĐKKD ngày 21/8/2023 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B xác định Công ty T1 đăng ký địa chỉ trụ sở chính tại số D, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Phan Thế H. Công ty T1 hiện đang hoạt động, chưa thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, tạm ngừng, giải thể.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty T1 thanh toán tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 750.728.861 đồng tính từ ngày 30/11/2021 đến ngày 28/6/2023 với tổng số tiền 168.164.721 đồng, giữ nguyên ý kiến về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 750.728.861 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút thì đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty X khởi kiện yêu cầu Công ty T1 thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa là nút xóp. Bị đơn Công ty T1 có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình

Dương. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Bị đơn **Công ty T1** đã được tổng đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về yêu cầu của các đương sự: Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là 750.728.861 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: **Công ty X** yêu cầu **Công ty T1** thanh toán tiền lãi chậm thanh toán đối với số nợ gốc 750.728.861 đồng với mức lãi suất 1,2%/tháng tính từ ngày 30/11/2021 đến ngày 28/6/2023 với số tiền 168.164.721 đồng.

Xét thấy, giữa **Công ty X** và **Công ty T1** có quan hệ mua bán theo hợp đồng kinh tế số XH2021-991 ngày 04/01/2021, theo đó **Công ty X** bán hàng hoá là mứt xộp cho **Công ty T1**. Thực hiện hợp đồng, **Công ty X** đã giao hàng cho **Công ty T1** và đã xuất các hoá đơn số 0000691 ngày 31/3/2021, 000733 ngày 29/4/2021, 0000790 ngày 29/5/2021, 0000869 ngày 30/6/2021, 0000930 ngày 28/9/2021, 0000933 ngày 29/9/2021, với tổng giá trị là 5.982.705.002 đồng. Theo hợp đồng, hai bên thoả thuận phương thức thanh toán sau 30 ngày làm việc kể từ ngày giao hàng và nhận được hoá đơn tài chính. Quá trình thực hiện hợp đồng, **Công ty T1** đã thanh toán tổng số tiền 5.231.976.139 đồng, còn nợ lại số tiền 750.728.861 đồng của hoá đơn số 0000930 ngày 28/9/2021 và 0000933 ngày 29/9/2021. Như vậy, **Công ty X** đã giao hàng và xuất hoá đơn ngày 28 và 29/9/2021, sau 30 ngày **Công ty T1** không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, **Công ty T1** đã thanh toán cho **Công ty X** số tiền 750.728.861 đồng vào các ngày 02, 28 và 29/6/2023. Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Như đã phân tích ở phần trên thì do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Xét thấy, tại thời điểm xét

xử (ngày 20/9/2023) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 16,5%/năm (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đ là 15,75%/năm, tại Ngân hàng TMCP S là 19,5%/năm, tại Ngân hàng N là 14,25%/năm). Nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 1,2%/tháng tương ứng với 14,4%/năm với số tiền 168.164.721 đồng là mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty T1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 168.164.721 đồng, tương đương số tiền án phí: 8.408.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X đối với bị đơn Công ty TNHH T1 về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 750.728.861 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X đối với bị đơn Công ty TNHH T1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH T1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH X số tiền lãi chậm thanh toán là 168.164.721 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH T1 phải nộp số tiền 8.408.000 đồng. Hoàn trả cho Công ty TNHH X số tiền 20.369.760 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007753 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung